

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HNGĐ- ST
Ngày 24/3/2026
V/v: “Xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Châu Phương

Ông Võ Hoàng Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thiên Trang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng– Kiểm sát viên.

Ngày **24** tháng **3** năm **2026** tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 568/2025/TLST- HN, ngày 19 tháng 12 năm 2025; về việc “*xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST-HN ngày 26/02/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2026 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Lữ Gia N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A, phường C, thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

* ***Bị đơn:*** Lê Thanh Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp Q, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị N trình bày:

Vào năm 2017 quá trình tìm hiểu tôi anh Q đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp và chúng tôi đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với anh Q.

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc An N1, sinh ngày 08/3/2019, từ lúc vợ chồng ly thân con vẫn sống cùng tôi. Nay tôi xin nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Thanh Q vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Chị N cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị N có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị N là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Q được triệu tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh Q.

*** Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Chị N, anh Q kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị N vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh Q đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh Q không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị N. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[2] Về con chung: Bé Lê Ngọc An N1 từ lúc vợ chồng sống ly thân thì bé N1 vẫn do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, đã thích nghi với việc chăm sóc, giáo dục của chị N, nên giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, việc chị N không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, nên ghi nhận.

[3] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lữ Gia N. Chị Lữ Gia N được ly hôn anh Lê Thanh Q.

Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Ngọc An N1, sinh ngày 08/3/2019, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Chị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012286 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV 9-VL (2b);
- Phòng THADSKV9 -VL.(1b);
- UBND ĐKKH (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Phong